

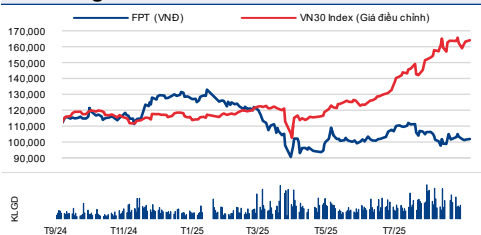
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VND122,261
Tiềm năng tăng/giảm: 20.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/9/2025)	101,900
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	90,618-133,039
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	101,833
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	173,590
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,579
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	726
Slg CP NN được mua (tr.đv)	107
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	41.8%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	71,099	81,696
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	14,981	17,061
LNTT (tỷ đồng)	11,070	12,887	14,880
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,042	10,408
FCF (tỷ đồng)	8,428	5,833	8,542
EPS ĐC (đồng)	4,275	4,888	5,626
DPS (đồng)	1,739	2,174	2,174
BVPS (đồng)	17,612	20,249	23,701
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	14.9	13.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	14.3	15.1
Tăng trưởng DPS (%)	0	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	21.1	20.9
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	18.1	18.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	12.7	12.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	44.5	38.6
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	19.4	12.4
ROAE (%)	28.7	28.2	27.8
ROACE (%)	31.0	29.1	28.9
EV/doanh thu (lần)	2.83	2.53	2.18
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.6	12.0	10.4
P/E ĐC (lần)	23.8	20.8	18.1
P/B (lần)	5.79	5.03	4.30
Lợi suất cổ tức (%)	1.71	2.13	2.13

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Doanh thu kỷ kết mới tăng trưởng tích cực

- FPT công bố KQKD tháng 8 kém tích cực, cho thấy doanh thu và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 5,6% và 9,7%, đa phần do sự suy yếu trong thời gian dài tại các thị trường ngoài Nhật Bản, với doanh thu giảm 5,8% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng doanh thu thuần/lợi nhuận thuần 8 tháng đầu năm 2025 đạt 10,5%/18,6% so với cùng kỳ, hoàn thành 62%/66% dự báo cho cả năm 2025 của HSC; sát với dự báo.
- Chúng tôi kỳ vọng đà tăng trưởng lợi nhuận sẽ cải thiện trong các quý tiếp theo, dựa trên sự phục hồi mạnh của doanh thu kỷ kết mới. FPT gần đây đã giành được nhiều hợp đồng chuyển đổi số tại Mỹ/Châu Á-Thái Bình Dương có trị giá hơn 380 triệu USD. Những hợp đồng này được kỳ vọng sẽ hỗ trợ việc ghi nhận doanh thu từ nửa đầu năm 2026.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu là 122.261đ.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025

FPT báo cáo KQKD tháng 8 kém khả quan, phản ánh sự suy yếu trong thời gian dài của thị trường Dịch vụ CNTT nước ngoài, đặc biệt là tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Tuy nhiên, với nhiều hợp đồng mới và có giá trị cao đã được ký kết vào cuối tháng 8 và tháng 9, HSC kỳ vọng yếu tố tích cực này sẽ sớm được phản ánh vào đà tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đang được cải thiện.

Ghi nhận mức tăng trưởng cao một chữ số trong tháng 8/2025

Lợi nhuận thuần tháng 8/2025 tăng chậm nhất trong năm nay, chỉ đạt 9,7% so với cùng kỳ, lên 792 tỷ đồng (tăng 10,8% so với tháng trước). Trong 8 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 5.939 tỷ đồng, tăng 18,6% so với cùng kỳ và hoàn thành 65,6% dự báo cho cả năm 2025 của HSC. Chúng tôi cho rằng đà tăng trưởng lợi nhuận đang đi đúng kì vọng của HSC. Nguyên nhân chính dẫn đến KQKD tháng 8 kém là do doanh thu tăng khiêm tốn 5,6% so với cùng kỳ và 5,9% so với tháng trước, đạt 5.727 tỷ đồng. Hầu hết các mảng kinh doanh đều ghi nhận mức tăng trưởng một chữ số: Doanh thu mảng Công nghệ/Viễn thông/Giáo dục và Đầu tư lần lượt đạt mức tăng trưởng 5,7%/8,3%/-2,3%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/9.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 8/2025 và 8 tháng đầu năm 2025, FPT

KQKD kém tích cực nhưng vẫn sát với dự báo

Tỷ đồng	T8/25	% sv cùng kỳ	% sv tháng trước	8T25	% sv cùng kỳ	% 2025 HSCF
Doanh thu	5,727	5.6%	5.9%	43,818	10.5%	61.6%
CNTT	3,580	5.7%	4.8%	27,123	10.6%	60.5%
Nước ngoài	2,896	6.0%	0.8%	22,437	12.6%	63.2%
Trong nước	684	4.4%	26.0%	4,686	2.1%	50.4%
Viễn thông	1,627	8.3%	0.0%	12,611	12.3%	62.2%
Khác	519	-2.3%	41.4%	4,084	4.4%	68.1%
LNTT	1,119	11.7%	8.6%	8,315	17.5%	64.5%
CNTT	519	4.8%	14.3%	3,807	13.0%	61.8%
Nước ngoài	453	-2.4%	3.0%	3,574	12.3%	63.7%
Trong nước	66	112.9%	407.7%	233	23.9%	42.2%
Viễn thông	377	19.7%	0.0%	2,850	19.8%	65.1%
Khác	224	16.1%	13.1%	1,658	24.7%	70.7%
Lợi nhuận thuần	792	9.7%	10.8%	5,939	18.6%	65.6%

Nguồn: FPT, HSC

Trong mảng **Công nghệ**, doanh thu **dịch vụ CNTT nước ngoài** trong tháng 8 tăng 6% so với cùng kỳ và đi ngang so với tháng trước, đóng góp 12,6% vào mức tăng trưởng doanh thu 8 tháng đầu năm 2025. Nhật Bản vẫn là thị trường có khả năng phục hồi tốt nhất, với mức tăng trưởng 25,3% so với cùng kỳ trong tháng 8, trong khi doanh thu thị trường ngoài Nhật Bản giảm 5,8% so với cùng kỳ. Về lợi nhuận thuần, LNTT của dịch vụ CNTT nước ngoài trong tháng 8 giảm 2,4% so với cùng kỳ do tỷ suất lợi nhuận giảm xuống còn 15,6%, so với 17% trong tháng 8/2024. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là tỷ suất lợi nhuận trước thuế có cải thiện nếu so với mức 15,3% được ghi nhận trong tháng 6 và tháng 7. Trong khi đó, mảng **dịch vụ CNTT trong nước** ghi nhận LNTT tích cực ở mức 66 tỷ đồng trong tháng 8 (tăng 113% so với cùng kỳ; tăng 408% so với tháng trước) trên doanh thu 684 tỷ đồng (tăng 4,4% so với cùng kỳ; tăng 26% so với tháng trước). Với các kết quả trên, LNTT 8 tháng đầu năm 2025 của mảng dịch vụ CNTT nước ngoài/trong nước lần lượt đạt 3.574 tỷ đồng (tăng 12,3% so với cùng kỳ)/233 tỷ đồng (tăng 23,9% so với cùng kỳ). Nhìn chung, trong 8 tháng đầu năm 2025, LNTT của mảng **Công nghệ** tăng 13% so với cùng kỳ đạt 3.807 tỷ đồng, và hoàn thành 61,8% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Doanh thu mảng **Viễn thông** trong tháng 8 đạt 1.627 tỷ đồng, với mức tăng chậm lại 8,3% so với cùng kỳ (đi ngang so với tháng trước), trong khi LNTT vẫn tăng mạnh ở mức 19,7% so với cùng kỳ (đi ngang so với tháng trước) đạt 377 tỷ đồng. Với kết quả trên, LNTT 8 tháng đầu năm 2025 của mảng Viễn thông đạt 2.850 tỷ đồng (tăng 19,8% so với cùng kỳ) và hoàn thành 65,1% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi, sát với dự báo. Đối với mảng **Giáo dục và Đầu tư**, LNTT 8 tháng đầu năm 2025 đạt 1.658 tỷ đồng (tăng 24,7% so với cùng kỳ) và hoàn thành 70,7% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi, cao hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi.

Đà tăng trưởng tích cực hơn nữa của doanh thu ký kết

Doanh thu ký kết mới hằng tháng của FPT đã cho thấy tín hiệu tích cực kể từ tháng 6/2025, đánh dấu sự chuyển biến đáng kể với tốc độ tăng trưởng 1% so với cùng kỳ, so với -9% và -8% trong tháng 4 và tháng 5. Đà tăng trưởng tích cực này tiếp tục tăng tốc trong tháng 7 và tháng 8, lần lượt đạt mức 27% và 101% so với cùng kỳ. Tốc độ tăng trưởng tích cực này càng được hỗ trợ hơn nữa khi FPT ký nhiều hợp đồng mới trị giá hơn 380 triệu USD trong tháng 8 và tháng 9.

- Trong tháng 9, Công ty đã ký một hợp đồng có giá trị cao kỷ lục **250 triệu USD** với một tập đoàn năng lượng hàng đầu ở Châu Á. Dự án trong 5 năm này dự kiến sẽ bắt đầu vào cuối năm nay, với doanh thu dự kiến được ghi nhận từ nửa đầu năm 2026.
- Cuối tháng 8, Công ty cũng đã ký một hợp đồng trị giá **100 triệu USD** với một công ty Mỹ trong thời hạn 3 năm. Thương vụ này trở thành yếu tố tích cực khác thúc đẩy đà tăng trưởng của FPT.
- Vào đầu tháng 9, FPT thực hiện một thỏa thuận mới với đối tác tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, kỳ vọng sẽ mang về một hợp đồng mới trị giá hơn 30 triệu USD

Công ty đã khôi phục lại hoạt động tuyển dụng các nhà phát triển để hoàn thành số lượng dự án tồn đọng ngày càng tăng, đảo chiều so với việc cắt giảm nhân sự trong nửa đầu năm 2025. Hoạt động này cho thấy sự cải thiện về nhu cầu của khách hàng cũng như số lượng dự án đang triển khai của Công ty. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT với giá mục tiêu không đổi là 122.261đ (tiềm năng tăng giá 19,9%).

Bảng 2: Doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài theo tháng, FPT

Nhu cầu suy yếu kéo dài tại các thị trường ngoài Nhật Bản...

Tỷ đồng	T4+T5	T6	T7	T8
Nhật Bản	2,552	1,255	1,269	1,303
Ngoài Nhật Bản	3,028	1,649	1,602	1,593
Dịch vụ CNTT nước ngoài	5,580	2,904	2,871	2,896
% so với cùng kỳ				
Nhật Bản	29.5%	20.0%	23.8%	25.3%
Ngoài Nhật Bản	-0.1%	8.1%	-0.1%	-5.8%
Dịch vụ CNTT nước ngoài	11.6%	12.9%	9.2%	6.0%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 3: Tăng trưởng doanh thu & lợi nhuận thuần so với cùng kỳ theo tháng, FPT

...khiến tăng trưởng doanh thu thuần/lợi nhuận thuần so với đầu năm kém tích cực

% sv cùng kỳ	2T25	T3/25	T5/25	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25
Doanh thu	16.4%	9.6%	12.3%	11.6%	3.8%	10.3%	5.6%
CNTT	19.1%	9.3%	14.2%	11.1%	-0.3%	11.6%	5.7%
Nước ngoài	20.9%	10.5%	14.9%	8.5%	12.7%	9.2%	6.0%
Trong nước	9.9%	4.2%	11.5%	23.9%	-34.2%	25.7%	4.4%
Viễn thông	15.3%	12.1%	13.9%	12.6%	12.1%	9.9%	8.3%
Khác	6.7%	4.8%	-1.8%	12.6%	9.2%	1.1%	-2.3%
Lợi nhuận thuần	21.2%	20.4%	10.0%	19.9%	32.1%	16.6%	9.7%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 4: Doanh thu ký kết hàng tháng, FPT

Tăng trưởng doanh thu ký kết mới đã đảo chiều trong tháng 6/2025 và tiếp tục cải thiện trong tháng 7-8/2025

Tỷ đồng	T1/25	T2/25	T3/25	T4/25	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25
Số lượng đơn hàng mới	5,525	2,832	2,959	4,068	2,172	2,354	3,820	2,240
% so với cùng kỳ	12%	47%	0%	-9%	-8%	1%	27%	101%
% so với tháng trước	86%	-49%	4%	37%	-47%	8%	62%	-41%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 5: Các thương vụ ký kết mới, FPT

FPT đã ký kết được nhiều hợp đồng lớn trong thời gian gần đây, từ đó tạo nền tảng phục hồi đà tăng trưởng

Hợp đồng ký mới	Giá trị hợp đồng	Dịch vụ	Khách hàng	Thời hạn	Thời điểm khởi động dự án	Thời điểm ghi nhận doanh thu
T8/25	100 triệu USD	Cung cấp giải pháp chuyển đổi số (DX) đầu cuối cho các doanh nghiệp hàng đầu trong các lĩnh vực có nhu cầu cao như ngân hàng, dịch vụ tài chính, bảo hiểm (BFSI) và bán lẻ; các ngành sản xuất, y tế, logistics và năng lượng đang trong kế hoạch	Công ty có trụ sở tại Mỹ, hoạt động trong mảng quản lý cơ sở hạ tầng	3 năm	Cuối 2025	6 tháng đầu năm 2026
T9/25	+30 triệu USD	Giải pháp OCR (nhận dạng ký tự quang học) cho xử lý tài liệu; thị giác máy tính cho giám sát an toàn và điểm danh	Khách hàng khu vực châu Á – Thái Bình Dương	NA	Cuối 2025	6 tháng đầu năm 2026
T9/25	250 triệu USD	Cung cấp dịch vụ chuyển đổi số toàn diện với đội ngũ kỹ sư được hỗ trợ bởi AI, tích hợp AI trong mọi dịch vụ và giải pháp để thúc đẩy đổi mới và hiệu quả vận hành	Tập đoàn năng lượng hàng đầu châu Á	5 năm	Cuối 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng	+380 triệu USD					

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	71,099	81,696	94,082
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	26,965	31,021	35,548
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,299)	(17,547)	(20,186)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,666	13,474	15,362
Lãi vay thuần	618	124	631	653	872
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	540	695	873
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	50.4	58.0	66.7
LN TT	9,203	11,070	12,887	14,880	17,174
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,981)	(2,344)	(2,754)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,855)	(2,117)	(2,345)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,051	10,418	12,075
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,042	10,408	12,063
EBITDA ĐC	10,738	13,044	14,981	17,061	19,725
EPS (đồng)	4,053	4,275	4,888	5,626	6,521
EPS ĐC (đồng)	3,523	4,275	4,888	5,626	6,521
DPS (đồng)	1,739	1,739	2,174	2,174	2,609
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,458	1,692	1,704	1,704	1,704
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,460	1,692	1,704	1,704	1,704
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,460	1,692	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	14,214	17,252	22,908
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	26,142	31,371	37,645
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	12,842	15,226	17,534
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,133	2,451	2,822
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,422	1,634	1,882
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	56,753	67,933	82,791
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	17,551	17,539	17,173
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	5,350	5,705	6,198
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,485	28,995	29,237
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	85,238	96,928	112,028
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	19,197	20,424	23,520
Phải trả người bán	2,603	4,424	4,996	5,740	6,610
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	14,637	16,818	19,368
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	42,136	46,782	53,875
Nợ dài hạn	208	501	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	356	409	471
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	1,784	1,923	2,088
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	43,920	48,705	55,963
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	34,494	40,376	47,041
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	6,823	7,847	9,024
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	41,318	48,223	56,065
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	85,238	96,928	112,028
BVPS (đ)	17,100	17,612	20,249	23,701	27,614
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,767	5,632	5,983	4,172	1,613

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,666	13,474	15,362
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(3,315)	(3,587)	(4,363)
Lãi vay thuần	618	124	631	653	872
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,981)	(2,344)	(2,754)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(918)	(1,456)	(1,224)
Khác	(1,102)	(125)	(981)	(1,394)	(1,490)
LCT thuần từ HKKD	9,517	11,704	11,730	12,520	15,130
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(5,897)	(3,977)	(4,439)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(4,471)	(5,348)	(6,400)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	1,990	2,320	2,712
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(8,378)	(7,006)	(8,126)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,703)	(3,703)	(4,444)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	5,249	1,227	3,096
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	1,546	(2,476)	(1,348)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	14,214	17,252
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	4,899	3,038	5,656
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	14,214	17,252	22,908
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	5,833	8,542	10,691

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	37.9	38.0	37.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	21.1	20.9	21.0
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	12.7	12.8	12.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.4	15.8	16.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	13.1	14.9	15.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	14.9	13.9	15.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	15.2	15.1	15.9
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	14.3	15.1	15.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.3	14.3	15.1	15.9
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	44.5	38.6	40.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	28.2	27.8	27.6
ROACE (%)	29.3	31.0	29.1	28.9	28.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.90	0.90	0.90
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	1.01	0.93	0.98
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	17.6	17.7	17.6
Số ngày phải thu	109	106	106	110	109
Số ngày phải trả	29.4	41.2	41.3	41.3	41.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	19.4	12.4	5.43
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	24.5	22.9	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.40	1.30	1.29
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.35	1.45	1.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.94	2.83	2.53	2.18	1.86
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.4	13.6	12.0	10.4	8.88
P/E (lần)	25.1	23.8	20.8	18.1	15.6
P/E ĐC (lần)	28.9	23.8	20.8	18.1	15.6
P/B (lần)	5.96	5.79	5.03	4.30	3.69
Lợi suất cổ tức (%)	1.71	1.71	2.13	2.13	2.56

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn